

Phương pháp dạy tiết tấu, ngữ điệu trong các loại câu tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình

Lỗ Thị Nhung*

*ThS. Trường CĐSP Hoà Bình

Received: 13/12/2022; Accepted: 16/12/2022; Published: 22/12/2022

Abstract: Rhythm, intonation is considered one of the basic elements of all languages in the world. Rhythm and intonation play a very important role in teaching and learning foreign languages. Good rhythm and intonation is not only beneficial for expressing thoughts but also helps learners improve communication efficiently. Correct rhythm and intonation are the keys to fluent English. It can be said that rhythm and intonation are the music of English. The stressed word is the key to understand the conveyance and using the right intonation will give the correct meaning of the sentence. In the process of teaching rhythm and intonation, teachers need to understand the principles of word stress, sentence stress as well as how to use intonation for each type of sentence. To make good use of the method of teaching rhythm and intonation in English sentences, it requires a deep understanding of the teacher about stress and intonation.

Keywords: method, rhythm, intonation, English sentences, non – major English students.

1. Đặt vấn đề

Tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng nhiều nhất trên thế giới, là ngôn ngữ giao tiếp trên toàn cầu. Với xu thế hội nhập quốc tế, Việt Nam cũng đang coi tiếng Anh như ngôn ngữ giao tiếp thứ hai hết sức quan trọng. Từ yêu cầu thực tế đó, môn tiếng Anh đã được đưa vào chương trình chính khóa mọi cấp học ở nước ta.

Mục tiêu cuối cùng của việc dạy học tiếng Anh là người học có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh. Khả năng giao tiếp thể hiện trên hai bình diện: tiếp nhận (nghe và đọc), sản sinh (nói và viết) ngôn ngữ. Để đạt được mục tiêu đó yếu tố quan trọng người học cần nắm vững tiết tấu, ngữ điệu trong khi giao tiếp. Tuy nhiên trong quá trình dạy học ở các cấp học, hầu như việc luyện tiết tấu, ngữ điệu (TTND) cho người học chưa được chú trọng, GV (GV) chỉ rèn luyện cho người học đọc mà quên đi TTND trong các câu nói. Thực tế, TTND rất quan trọng trong việc giao tiếp đàm thoại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Trọng âm từ

- Trọng âm từ là mức độ nhấn mạnh được sử dụng khi phát âm các âm tiết khác nhau của một từ có từ hai âm tiết trở lên. Trọng âm từ thường cố định. Ví dụ: 'garden / 'ga:dn/. Tuy nhiên, với cùng một từ, khi trọng âm thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của từ loại. Ví dụ: danh từ 'record, động từ re'cord hoặc danh từ 'present, động từ pre'sent.

- Trọng âm từ tiếng Anh chia thành 4 loại: trọng âm chính (primary stress), trọng âm phụ hoặc thứ hai (secondary stress), trọng âm thứ ba (tertiary stress) và trọng âm yếu hoặc thứ tư (weak stress). Trọng âm đầu là trọng âm chính với ký hiệu “ ‘ ” và trọng âm phụ với ký hiệu “ , ”. Ví dụ: disagree/, disa'gri/ hoặc bicentennial/, baisen'tenial/

- Những từ có hai trọng âm thường có từ 3, 4 âm tiết trở lên. Trọng âm phụ cách trọng âm chính một âm tiết.

2.2. Trọng âm câu

- Trọng âm câu là mức độ nhấn mạnh và được sử dụng khi phát âm các từ khác nhau trong một câu và thường gắn liền với ngữ điệu của câu. Nhìn chung, trọng âm trong một câu bình thường, thường rơi vào các từ quan trọng mang nội dung nghĩa (content words), còn các từ chức năng (function words) như giới từ (in, on, at...) hoặc phó từ (quickly, here, very...), mạo từ (a, the, an...)... thường không có trọng âm.

- Mỗi câu thường có ít nhất một trọng âm, nhưng đôi khi một câu có thể có hai hoặc nhiều trọng âm, tùy thuộc vào độ dài của câu hoặc tùy thuộc vào ý nghĩa mà người nói muốn chuyển tới người nghe. Một câu như sau: “What are you doing?” có thể có hai trọng âm, một ở “what” và một ở “do”. Một câu trả lời ngắn như “Yes, I did” có thể có hai trọng âm, một ở “yes” và một ở “did”.

- Trọng âm câu không cố định như trọng âm từ. Trọng âm câu thay đổi tùy theo ngữ cảnh của câu và ý nghĩa của người nói muốn chuyển tới người nghe.

Ví dụ: **I didn't say he stole the money**

I didn't say he stole the money - khi nhấn vào “I” thì người nói có hàm ý là “tôi” không phải là người nói, mà ai đó khác nói điều ấy. **I DIDN'T say he stole the money** - khi nhấn vào “I didn't” thì người nói có hàm ý là điều đó không đúng, tôi không nói thế. **I didn't SAY he stole the money** - khi nhấn vào “say” thì người nói có hàm ý là tôi không nói, mà tôi chỉ suy luận hoặc gọi ra khả năng như vậy thôi. **I didn't say HE stole the money** - khi nhấn vào “he” thì người nói có hàm ý là tôi không nói anh ta, mà nói người khác cơ. **I didn't say he STOLE the money**-khi nhấn vào chữ “stole” thì người nói có ý là không nói anh ta ăn trộm tiền, mà có thể anh ta chỉ mượn hoặc cầm nhầm thôi. **I didn't say he stole THE money**, but rather some **other** money - khi nhấn vào “the” thì hàm ý của người nói là anh ta không lấy tiền ấy, mà là tiền khác cơ. (“The” có nghĩa là ấy, đó). **I didn't say he stole the MONEY** - khi nhấn vào “money” thì người nói có hàm ý là anh ta không ăn trộm tiền, mà là ăn trộm thứ khác cơ, ví dụ như trang sức chẳng hạn.

Rõ ràng trọng âm câu đóng vai trò rất quan trọng trong tiếng Anh. Nó mang rất nhiều ẩn ý sâu sắc của người nói, và chứa đựng cả văn hóa giao tiếp.

2.3. Ngữ điệu

- Ngữ điệu trong tiếng Anh được phân làm hai loại chính: Ngữ điệu lên với ký hiệu thường được dùng là \uparrow , ngữ điệu xuống với ký hiệu thường được dùng là \downarrow .

- Tuy nhiên, trong giao tiếp hàng ngày người ta còn dùng nhiều loại “tiêu” ngữ điệu để diễn đạt chính xác các ý khác nhau của mình. Ví dụ: Xuống thấp (Low Fall), xuống rộng cao (High Wide Fall), xuống hẹp cao (High Narrow Fall), lên thấp (Low Rise), lên rộng cao (High Wide Rise), lên hẹp cao (High Narrow Rise), lên - xuống (Rise - Fall), xuống - lên (Fall - Rise), lên - xuống - lên (Rise - Fall - Rise). Thậm chí người Anh ở Úc (Australia) còn sử dụng tới 13 tiêu ngữ điệu khác nhau trong giao tiếp hàng ngày.

- Hai loại ngữ điệu chính được dùng phổ biến trong tiếng Anh là “ngữ điệu lên” (Rising Intonation) và “ngữ điệu xuống” (Falling Intonation). Ngữ điệu lên thường sử dụng với ý chưa kết thúc và không khẳng định. Ngữ điệu xuống thường thể hiện ý kết thúc và khẳng định.

- Tầm quan trọng của ngữ điệu trong tiếng Anh có thể ví như tầm quan trọng của thanh điệu trong tiếng Việt. Từ “Ta” sẽ thay đổi nghĩa tùy theo thanh điệu mà ta sử dụng: Ta - Tà - Tá - Tả - Tã - Tả”. Từ “Yes” trong tiếng Anh sẽ thay đổi tùy theo ngữ điệu mà ta sử dụng:

Yes (với ngữ điệu xuống) có nghĩa là : ừ, vâng, phải, có...

Yes (với ngữ điệu lên) có nghĩa là: gì cơ?, ai đây?, được chứ?....

Yes (với ngữ điệu lên - xuống - lên ám chỉ ý mỉa mai, chê bai, nghi ngờ... tùy theo từng ngữ cảnh và tình huống mà người nói sử dụng)

- Thông thường ta dùng ngữ điệu lên với những câu hỏi trả lời bằng “Yes- No”, với các phần trong câu liệt kê trước khi kết thúc, với phần đầu của câu hỏi lựa chọn, và với những câu trần thuật thông thường khi ta muốn ám chỉ để hỏi. Ví dụ: “You understand.” (Anh hiểu chứ?). Còn ngữ điệu xuống thường được sử dụng trong các câu hỏi đặc biệt (“Wh” question), câu trần thuật, câu trả lời, phần cuối cùng của câu liệt kê và phần sau của câu hỏi lựa chọn.

2.4. Phương pháp giảng chung khi dạy TTND trong các loại câu tiếng Anh

Thông thường dạy TTND cho HS, GV cần tiến hành theo các bước:

- GV đọc mẫu theo nhịp gõ động tác lên xuống của tay (có thể hai lần).

- Hoặc cho HS nghe băng (nếu có).

- GV gọi HS khá đọc trước, sau đó gọi HS trung bình và cuối cùng gọi HS yếu đọc. GV cần sử dụng nhịp gõ và động tác lên xuống của tay giúp HS nhấn trọng âm và ngữ điệu lên xuống chính xác, dễ dàng.

- GV ghi lên bảng kèm theo ký hiệu trọng âm ngữ điệu. GV đọc rõ từng từ một trong câu (có thể một lần). Sau đó GV đọc câu hoàn chỉnh, kết hợp nhịp gõ, động tác lên xuống của tay (có thể hai lần). Tiến hành luyện cho HS đọc lần lượt, sau đó tập thể lớp đọc. GV sử dụng nhịp gõ, động tác lên xuống của tay giúp HS nhấn trọng âm, ngữ điệu chính xác, dễ dàng.

2.5. Phương pháp dạy tiết tấu, ngữ điệu trong từng loại câu nói cụ thể

a. Câu trần thuật

Ví dụ 1:

This is Miss White

- GV tiến hành luyện TTND theo PP chung.

- GV dùng nhịp gõ ở các từ “This, Miss”, trọng âm của câu, động tác tay xuống ở từ “White” - ngữ điệu xuống.

Ví dụ 2:

He is a pupil

- GV tiến hành TTND theo PP chung.
- GV dùng nhíp gõ ở từ “He”, động tác tay xuống ở từ “pupil”.

Ví dụ 3:

She usually goes to school in the morning

- GV tiến hành luyện tiết tấu, ngữ điệu theo PP chung.
- GV dùng nhíp gõ ở từ “She, goes, school”, điệu bộ xuống ở từ “morning”.

b. Câu nghi vấn

Ví dụ 1:

Is Dick a student?

- GV tiến hành luyện tiết tấu, ngữ điệu theo PP chung.
- GV dùng nhíp gõ ở từ “Dick”, động tác tay lên ở từ “student”.

Ví dụ 2:

Can your brother swim?

- GV tiến hành luyện tiết tấu, ngữ điệu theo PP chung.
- GV dùng nhíp gõ ở từ “your brother”, động tác tay lên ở từ “swim”.

Ví dụ 3:

Do you go to school on Mondays?

- GV tiến hành luyện tiết tấu, ngữ điệu theo PP chung.
- GV dùng nhíp gõ ở các từ “go, school”, động tác tay lên ở từ “Mondays”.

c. Câu trả lời

Ví dụ 1:

Yes, he is.

- GV tiến hành luyện tiết tấu, ngữ điệu theo PP chung.
- GV dùng động tác tay xuống ở các từ “yes, is”.

Ví dụ 2:

No, I don't.

- GV tiến hành luyện tiết tấu, ngữ điệu theo PP chung.
- GV dùng động tác tay xuống ở các từ “No, don't”.

d. Câu lựa chọn

Ví dụ 1:

Is Miss Young a doctor or a nurse?

- GV tiến hành luyện tiết tấu, ngữ điệu theo PP chung.
- GV gõ nhíp ở các từ “Is, Young”, động tác tay lên ở các từ “doctor”, động tác tay xuống ở từ “nurse”.

Ví dụ 2:

Are you a pupil or a student?

- GV tiến hành luyện tiết tấu, ngữ điệu theo PP chung.

- GV dùng nhíp gõ ở các từ “Are you”, động tác tay lên ở từ “pupil”, động tác tay xuống ở từ “student”.

e. Câu hỏi có từ để hỏi

Ví dụ 1:

Where's your wife?

- GV tiến hành luyện tiết tấu, ngữ điệu theo PP chung.
- GV dùng nhíp gõ ở các từ “Where's”, động tác tay lên ở từ “wife”.

Ví dụ 2:

Who is this?

- GV dùng nhíp gõ ở từ “Who”, động tác tay xuống ở từ “this”.

Ví dụ 3:

When's your birthday?

- GV dùng nhíp gõ ở từ “When”, động tác tay xuống ở từ “birthday”.

f. Câu hỏi đuôi

Ví dụ 1:

Daisy doesn't drink coffee, does she?

- GV dùng nhíp gõ ở các từ “Daisy, doesn't, coffee”, động tác tay xuống ở từ “does she”.

Ví dụ 2:

You are happy, aren't you?

- GV dùng nhíp gõ ở các từ “You, happy”, động tác tay xuống ở từ “aren't you”.

3. Kết luận

Như vậy, việc HS học nắm vững TTND trong các loại câu là điều quan trọng trong dạy học môn tiếng Anh. TTND dẫn đến diễn đạt nội dung sai, áp dụng tiết tấu, ngữ điệu trong các loại câu như đã nêu trên giúp giảm lược những câu diễn dịch bằng tiếng Việt phát triển tối đa khả năng nghe (listening), nói (speaking) của người học.

Tài liệu tham khảo

1. Chris Redston and Gillie Cunningham, P., (2005). *Face2face Pre- intermediate Student's book*. Cambridge: Camprige University Press.
2. Chris Redston and Gillie Cunningham, P., (2005). *Face2face Workbook*. Cambridge: Camprige University Press.
3. Geoffrey Broughton, F.P., (1978). *Teaching English as a foreign language*, London: University of London Institute of Education
4. Nguyen Hanh Dung, P., (2003). *English Language Teaching Methodology*. Hanoi: MOET of Vietnam.